

Bản án số: 286/2018/HS-PT

Ngày: 16-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Sơn

Ông Nguyễn Thành Lượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 229/2018/TLPT-HS ngày 26 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Phi D và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 73A/2018/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Phi D, sinh năm 1993 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 2, xã L1, huyện P1, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Công, sinh năm 1971 và bà Hồ Kim N, sinh năm 1971; vợ: Lê Diễm T, sinh năm 1998; có 02 con (lớn sinh 2016, nhỏ sinh năm 2018); tiền án: Không; tiền sự: Vào ngày 21/01/2018, bị Công an xã L1, huyện P1, tỉnh Cà Mau xử phạt về hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (đã đóng phạt ngày 08/5/2018); bị bắt tạm giữ ngày 13/3/2018, được tại ngoại ngày 23/3/2018. (có mặt)

2. Nguyễn Văn L, sinh ngày 10/6/2000 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 11, xã P1, huyện P1, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1975; vợ, con chưa có; tiền án; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 13/3/2018 được tại ngoại ngày 23/3/2018. (có mặt)

- *Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Văn L*: Luật sư Vũ Văn T, thuộc Văn phòng luật sư Vũ T – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phi D sống chung phòng trọ với ông Mai Quốc V và mẹ vợ là bà Lê Thị P tại ấp K1, xã L2, huyện P, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian này, D thấy ông V và bà P có tài sản để trong phòng trọ, hằng ngày đi làm không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Vào ngày 10/3/2018, D gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn L (là bạn) cùng tham gia trộm cắp tài sản và hứa sẽ cho L 1.000.000 đồng để tiêu xài, L đồng ý. Do biết chìa khóa phòng trọ và chìa khóa xe mô tô ông V gắn chung chìa khóa xe nên đến khoảng 17 giờ ngày 12/3/2018, D hỏi mượn xe mô tô 51N5-1763 của ông V đi mua đồ ăn, ông V đồng ý. D điều khiển đến khu vực xã Phú Hữu làm 03 chìa khóa gồm: 01 chìa khóa xe mô tô 51N5-1763, 01 chìa khóa xích xe và 01 chìa khóa cửa phòng trọ. Sau đó, D dẫn L đến chỉ phòng trọ của ông V và đưa cho L 03 chìa khóa mới làm đồng thời hướng dẫn L cách mở khóa và chỉ chỗ ông V để tài sản cho L biết. D đưa trước cho L 500.000 đồng. Khoảng 07 giờ 30 phút, sau khi được D thông báo những người ở phòng trọ đã đi làm hết, L đã dùng chìa khóa mở cửa phòng trọ vào trong trộm cắp tài sản của ông V gồm: 01 xe Wave Trung quốc 51M5-1763, 01 loa kéo kéo Ronamax và 01 cặp xách màu đen bên trong có: 01 máy tính bảng Trung quốc màu đen có chữ Wing, 01 máy tính bảng Trung quốc có chữ Levono, bị bể màn hình, đứt dây màn hình; 01 Iphone S Trung Quốc, màu hồng, 01 điện thoại Trung quốc Smobile màu bạc; 01 điện thoại Nokia C2; 01 điện thoại Trung quốc H phone H219, màu đen; 01 điện thoại Trung quốc Sam Sung GT-E1200T màu đen; 01 điện thoại Trung quốc Vertu màu vàng nâu; 01 Radio FM Trung quốc; 01 điện thoại Hphone V300 màu trắng; 01 điện thoại Trung quốc Land Pover; 01 đồng hồ đeo tay Trung Quốc, màu vàng có chữ Casio Edifice; 01 đồng hồ đeo tay Trung Quốc, màu vàng có chữ Casio Pacifier; số tiền 650.000 đồng và 01 giấy thương binh mang tên Mai Quốc V, tổng giá trị tài sản là 8.638.000 đồng (tám triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng). Ngoài ra L còn trộm cắp 01 túi xách màu nâu đỏ là tài sản của bà Lê Thị P bên trong có 01 sợi dây chuyền, 01 nhẫn tròn, 02 bông tai, 09 vòng

đeo tay, 01 nhẫn có đá đỏ đều là kim loại màu vàng, 01 mặt đá tượng phật, 01 lắc tay Inox và 03 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng . Tuy nhiên, tài sản của bà Phương không có giá trị (theo biên bản định giá và Kết luận định giá số 95/BB.HĐĐG/2018 ngày 09/5/2018 của Hội đồng định giá huyện P đã xác định: 01 cặp xách màu đen và 01 túi xách màu nâu đỏ có giá trị 00 đồng và biên bản định giá và Kết luận định giá số 64/BB.HĐĐG/2018 ngày 02/4/2018 của Hội đồng định giá huyện P đã xác định: 01 lắc tay kim loại Inox có giá trị 00 đồng).

Sau khi lấy được tài sản L gọi điện báo cho D biết, D nói L dùng xe mô tô 51N5-1763 chở số tài sản trên đến khu vực cầu Phú Mỹ, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh đợi D. Khoảng 12 giờ cùng ngày, D về phòng trọ và gọi điện thoại báo cho bà P và ông V biết bị trộm cắp tài sản. Sau đó, D đón xe ôm đến chỗ hẹn gặp L, cả hai cùng đến khách sạn “Hoa Quỳnh Anh” tại khu phố 4, phường Bình Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh thuê phòng để nghỉ và kiểm tra tài sản trộm được. D lấy 01 lắc tay Inox và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng đưa cho L đeo. Số trang sức còn lại D và L mang đến tiệm cầm đồ “Công Hương” thuộc ấp 4, phường Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh để bán, nhưng sau khi kiểm tra đều là đồ giả nên chủ tiệm cầm đồ không đồng ý mua. D và L mang số trang sức trên về khách sạn “Hoa Quỳnh Anh”, L ở lại khách sạn cùng số tài sản trộm cắp được còn D đón xe ôm về lại phòng trọ. Ngày 13/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã bắt khẩn cấp D và L để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

(Theo biên bản định giá và Kết luận định giá số 53/BB.HĐĐG/2018 ngày 19/3/2018 của Hội đồng định giá huyện P)

Tang vật vụ án gồm:

+ 01 xe Wave Trung quốc biển số 51M5-1763, 01 loa kéo kéo Ronamax và 01 cặp xách; 01 máy tính bảng Trung quốc màu đen có chữ Wing; 01 máy tính bảng Trung quốc có chữ Levono, bị bể màn hình, đứt dây màn hình; 01 Iphone S Trung Quốc, màu hồng; 01 điện thoại Trung quốc Smobile màu bạc; 01 điện thoại Nokia C2; 01 điện thoại Trung quốc H phone H219, màu đen; 01 điện thoại Trung quốc Sam Sung GT-E1200T màu đen; 01 điện thoại Trung quốc Vertu, màu vàng nâu; 01 Radio FM Trung quốc; 01 điện thoại Hphone V300 màu trắng; 01 điện thoại Trung quốc LandPover; 01 đồng hồ đeo tay Trung Quốc, màu vàng có chữ Casio Edifice; 01 đồng hồ đeo tay Trung Quốc, màu vàng có chữ Casio Pacific; số tiền 650.000 đồng và 01 giấy thương binh mang tên Mai Quốc V đã trả cho ông Mai Quốc V.

+ 01 túi xách; 01 sợi dây chuyền, 01 nhẫn tròn, 02 bông tai, 09 vòng đeo tay, 01 nhẫn có đá đỏ đều là kim loại màu vàng, 01 mặt đá tượng phật và 03 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng đã trả cho bà Lê Thị P.

+ 01 điện thoại di động Oppo và số tiền 460.000 đồng của Nguyễn Phi D; 01 điện thoại di động Itel và số tiền 40.000 đồng của Nguyễn Văn L (đây là số tiền 500.000 đồng D đưa cho L, L đã tiêu xài hết 460.000 đồng nên còn lại 40.000 đồng); 03 chìa khóa

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 73A/2018/HSST ngày 14/8/2018 của TAND huyện P đã áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS 2015; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17 BLHS 2015 (áp dụng thêm Điều 91, Điều 101 BLHS 2015 đối với bị cáo L) xử phạt: các bị cáo Nguyễn Phi D 01 năm 04 tháng tù; Nguyễn Văn L 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi thi hành.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/8/2018 và ngày 28/8/2018 bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo xin chuyển sang hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc được hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Phi D kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo và tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét.

Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự công cộng tại địa phương. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo để quyết định mức án 01 năm 04 tháng tù đối với bị cáo D, 10 tháng tù đối với bị cáo L là phù hợp, không nặng như kháng cáo của các bị cáo đã nêu, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, do tại phiên tòa bị cáo L có bổ sung tình tiết mới nên đề nghị HĐXX xem xét.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L nêu quan điểm cho rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo bị cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ. Tuy nhiên, việc xử phạt bị cáo L 10 tháng tù là chưa phù hợp đối với người chưa thành niên phạm tội, bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, có nhiều tình tiết giảm nhẹ lại được người bị hại xin xem xét cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyễn Phi D là người cùng sống chung phòng trọ với ông Mai Quốc V và bà Lê Thị P (mẹ vợ) tại ấp K1, xã L2, huyện P. Trong quá trình chung sống, D đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của ông V và bà P. Ngày 10/3/2018, D đã rủ Nguyễn Văn L (là người chưa thành niên) lấy trộm tài sản của ông V, được L đồng ý. Sau đó, D đã tự đi làm chìa khóa nhà rồi đưa cho L, đồng thời hướng dẫn L cách lấy trộm tài sản của ông V. Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 13/3/2018, Nguyễn Văn L dùng chìa khóa D đưa mở cửa phòng trọ của ông V và bà P để lấy trộm toàn bộ tài sản của ông V trị giá 9.288.000 đồng (Theo biên bản định giá và Kết luận định giá số 53/BB.HĐĐG/2018 ngày 19/3/2018 của Hội đồng định giá huyện P, trong đó có 650.000 đồng tiền mặt).

Như vậy, với hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo đã bị cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, cần được xử lý nghiêm trước pháp luật để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Xét kháng cáo của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Phi D là người rủ rê, lôi kéo bị cáo L phạm tội. Chính bị cáo D là người lên kế hoạch chuẩn bị công cụ (làm thêm chìa khóa) đưa cho L và chọn thời gian thích hợp để thông báo cho L thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi lấy được tài sản, bị cáo cũng chính là người đi bán và giữ toàn bộ tài sản lấy trộm được. Ngoài ra, trước đó ngày 21/01/2018 bị cáo D mới bị Công an xã L1, huyện P1, tỉnh Cà Mau xử phạt hành chính về hành vi “trộm cắp tài sản”, cho thấy bị cáo chưa ăn năn hối cải. Do đó mức án 01 năm 04 tháng tù cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, đúng quy định, đủ để răn đe và phòng ngừa chung.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L: Bị cáo L sinh ngày 10/6/2000, tính đến ngày phạm tội (13/3/2018) bị cáo là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Trong vụ án này, bị cáo có vai trò thứ yếu, thực hiện hành vi phạm tội theo hướng dẫn của bị cáo D. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm nhận định bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101 BLHS 2015 nhưng lại xử phạt bị cáo

mức án 10 tháng tù là nghiêm, chưa xem xét đến người chưa thành niên phạm tội. Trong giai đoạn phúc thẩm, gia đình bị cáo cung cấp tình tiết mới đó là: Đơn bãi nại của người bị hại ông Mai Quốc V và Huân chương kháng chiến của ông Nguyễn Văn Ảnh (ông cố nội), Nguyễn Hữu Em (ông nội), Trần Chiến (cậu). Xét thấy, bị cáo L không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ đặc biệt là người chưa thành niên nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục là đủ nghiêm, phù hợp với chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải (người chưa thành niên phạm tội).

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có phần phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận. Quan điểm của luật sư phù hợp nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Phi D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phi D; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS 2015; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17 BLHS 2015.

Xử phạt: **bị cáo Nguyễn Phi D 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS 2015; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 BLHS 2015; Điều 91, Điều 101 BLHS 2015; Điều 65 BLHS 2015.

Xử phạt: **bị cáo Nguyễn Văn L 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã P1, huyện P1, tỉnh Cà Mau quản lý, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Các bị cáo đều bị xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về án phí: Bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí HSPT; Bị cáo L không phải chịu án phí HSPT

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện P (2);
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Phòng PV27 CA tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hồng Hương